

**DANH SÁCH KHÁCH HÀNG ĐẠT ĐIỀU KIỆN NHẬN EVOUCHER ĐỢT 3
CT "TIẾT KIỂM AN NHÂN, HƯNG NGÀN QUÀ TẶNG"**

ID Khách hàng	Họ tên Khách hàng	Đơn vị kinh doanh	Kì hạn	Ngày mở sổ	Giá trị EVoucher	Ngày hiệu lực	Ngày hết hạn
1**96743	MAI PHUONG NGA	PGD Phố Huế	M06	14/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**86036	TRAN THI TUYET	PGD Ngọc Hồi	M06	14/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**87273	PHAM THI THU HA	PGD Lân Ông	M06	14/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**98819	NGUYEN HA LINH	PGD Thành Công	M13	14/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
4**790	HOANG QUANG CUONG	PGD Bà Triệu	M06	14/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**56887	LUONG VIET DUNG	CN Long Biên	M06	15/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**31833	LE THI THANH HUYEN	PGD Đào Tấn	M06	15/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**49790	DUONG TRI DUNG	PGD Xuân La	M06	15/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**05948	TRUONG THI THUY	PGD Đào Tấn	M06	16/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**02946	DO THI THUY	CN Long Biên	M06	17/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**48548	TRAN THI VAN	CN Thanh Xuân	M06	18/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**94914	TRAN THANH HUYEN	PGD Âu Cơ	M06	21/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**49790	DUONG TRI DUNG	PGD Xuân La	M13	22/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**65249	NGUYEN THI LY	PGD Điện Biên Phủ	M12	30/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**98819	NGUYEN HA LINH	PGD Thành Công	M18	30/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
3**883	DO NHAT HOANG	Sở Giao Dịch	M13	30/11/2022	400,000	11/01/2023	09/02/2023
1**46913	TRAN THI HUYEN	PGD Botanic	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**25269	NGUYEN THI THU	CN Láng Hạ	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**58029	PHAM THI HAI YEN	CN Láng Hạ	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**30235	NGUYEN XUAN LAP	PGD Nguyễn Văn Cừ	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**40058	LE VAN BAC	PGD Vạn Xuân	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**00112	NGUYEN DAN SINH	Sở Giao Dịch	M13	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**69565	TRAN MAI THANH	PGD Mỹ Đình	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**94730	MAI THI HONG LIEN	CN Hải Phòng	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**58827	TRAN NGUYEN NGOC TU	PGD Lê Hồng Phong	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**81979	LE DUC ANH	CN Đống Đa	M13	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**99778	HO ANH DUNG	PGD Tuyên Sơn	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**10916	LE THU HANH	Sở Giao Dịch	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**20919	NGUYEN THI DIEM THUY	PGD Hùng Vương	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**25821	DINH VAN VINH	PGD Hải Tân	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**66144	NGUYEN THI NHAT TRANG	CN Sài Gòn	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**97035	NGUYEN TU UYEN	PGD Hào Nam	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**14218	TRUONG DINH THANG	PGD Hòa Bình	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**30311	NGUYEN THI BICH THUY	CN Vĩnh Phúc	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**74606	TRUONG MINH TUAN	PGD Văn Quán	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**57507	NGUYEN THI KHANH NGOC	PGD Đa Kao	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**61454	LUONG THU HANG	CN Láng Hạ	M13	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**36851	LE VU HAI	CN Láng Hạ	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**78653	TRAN THI THU HA	TT KHCC MB	M12	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**31601	TRAN VAN HANH	PGD Yên Phụ	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**460	NGUYEN THI LAN HUONG	CN Hồ Chí Minh	M12	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**53669	NGUYEN MANH HUNG	PGD Văn Quán	M13	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**30135	DINH KIM HOA	PGD Hàn Thuyên	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**35427	NGUYEN THANH TUYEN	PGD Bến Thành	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**75726	PHAM MINH HUE	CN Long Biên	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**25865	VO THI KIM NHI	CN Hồ Chí Minh	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**29784	PHAM VAN THUAN	CN Thái Bình	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**69930	PHAM HAI BINH	CN Thanh Xuân	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**22178	CHU THI LE	PGD Lê-nin	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**27782	DANG THI BICH THUY	CN Thái Nguyên	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**64550	KIM JUNG HEON	PGD Lam Sơn	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**39931	NGUYEN VAN BACH	CN Tân Phú	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**20699	TRAN PHAT DAT	CN Tân Phú	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**32606	DAO THI NGOC QUYNH	CN Hồ Chí Minh	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**44410	NGUYEN TRUNG THANH	CN Nghệ An	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**62799	PHAN HA MAI	PGD Vĩnh Hoàng	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**87718	NGUYEN KHAC BIEN	CN Bắc Giang	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**98046	DOAN THI KHUE	CN Thái Bình	M12	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**25923	LE THI THANH THUY	PGD Đông Anh	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**48584	PHAM THI THANH GIANG	CN Vĩnh Phúc	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**425	NGUYEN THI THANH HUONG	PGD Nguyễn An Ninh	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
2**66868	PHAM THI LE	CN Đại An	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
2**944	LE THANH HA	PGD Quận 1	M06	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
3**170	DO NHU HON	PGD Phố Huế	M12	14/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**10597	TANG THI HUYEN	PGD Tây Hồ	M06	15/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**16772	HOANG THUY LINH	PGD Hồng Bàng	M12	15/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023

ID Khách hàng	Họ tên Khách hàng	Đơn vị kinh doanh	Kì hạn	Ngày mở sổ	Giá trị EVoucher	Ngày hiệu lực	Ngày hết hạn
1**63497	MAI THUY NGA	PGD Văn Quán	M06	15/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**34383	TRAN THIEN SACH	CN Thái Nguyên	M06	15/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**92145	HA TIEN VAN	CN Thái Nguyên	M06	15/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**04289	VU THI PHU	CN Hải Phòng	M06	15/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**86066	CAO THI HUONG	CN Quảng Ninh	M06	15/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**79378	NGUYEN XUAN AN	TT KHCC MB	M06	15/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**55334	NGUYEN QUANG HUY	PGD Đồng Anh	M06	15/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**91003	NGUYEN DINH NGOC	PGD Nguyễn Hữu Huân	M13	15/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**95449	BUI THI THANH	CN Sài Gòn	M06	15/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
2**00738	NGUYEN THI PHUC	PGD Lạch Tray II	M12	15/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
4**811	NGUYEN THI QUY	PGD Đào Tấn	M06	15/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**992	NGUYEN THI MINH THAM	PGD Hồ Tùng Mậu	M06	16/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**494	NGUYEN VIET HUNG	PGD Tây Hồ	M06	16/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**47605	TRAN THI THANH MINH	CN Đại An	M06	16/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**08828	VU QUANG THANH	CN Thanh Xuân	M06	16/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**55772	VU THI HONG	PGD Trung Hòa	M06	16/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**50227	KHUC BICH NGOC	CN Thanh Xuân	M12	16/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**56118	NGUYEN THI KHANH	CN Thanh Xuân	M06	16/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**69160	TRAN THI BICH NGOC	CN Đại An	M13	16/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**79859	TONG THI DUNG	PGD Nguyễn An Ninh	M06	16/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**73795	NGUYEN THI KIM PHUONG	PGD Hồ Gươm	M13	16/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**85141	NGUYEN QUANG HUNG	PGD Xuân La	M06	16/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**98819	NGUYEN HA LINH	PGD Thành Công	M13	16/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
3**170	DO NHU HON	PGD Phố Huế	M12	16/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**41789	NGUYEN THI THANG	PGD Quận 1	M06	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**73071	NGUYEN XUAN DIEU	CN Vũng Tàu	M06	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**39232	NGUYEN THI OANH	PGD Sài Đồng	M13	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**49992	NGUYEN THI HUONG GIANG	PGD Bà Triệu	M12	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**95284	NGUYEN THI THANH PHUONG	CN Đà Nẵng	M06	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**13291	NGUYEN TU QUYEN	CN Thái Nguyên	M06	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**44516	NGUYEN THI THANH HUYEN	CN Bắc Ninh	M06	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**01255	VU THI NGOC ANH	PGD Mỹ Đình	M06	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**05807	LE THI THANH	CN Đồng Đa	M06	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**82259	PHAM THI TUYET	CN Vũng Tàu	M06	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**98588	HOANG KIM YEN	TT KHCC MB	M06	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**12399	NGUYEN THI THU HA	CN Đại An	M12	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**25101	PHAN THI HOANG	PGD Quận 8	M06	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**37127	PHAM HONG DIEP	CN Nam Định	M06	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
2**86688	NGUYEN VAN PHA	CN Cầu Giấy	M06	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
4**242	VAN HUNG VY	PGD Vạn Xuân	M13	17/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**779	NGUYEN THI BICH THAO	PGD Tô Hiệu	M13	18/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**05393	VUONG THI GIANG	PGD Hàn Thuyên	M13	18/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**84820	NGUYEN THI THU HUYEN	PGD Sài Đồng	M06	18/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**91909	NGUYEN THI KIM OANH	CN Tân Thành	M12	18/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**45106	LE THI HAI YEN	CN Hải An	M06	18/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**36719	PHAM NGOC THANG	PGD Nguyễn Hữu Huân	M06	18/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**51727	NGUYEN TRAN LAN CHI	PGD Cam Ranh	M06	18/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**35299	DOI THI BICH HOA	PGD Hồ Gươm	M06	18/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**62393	CAO THI HUONG	PGD Mỹ Đình	M06	18/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**02064	NGUYEN HAI YEN	CN Long Biên	M24	18/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**57194	NGUYEN THUY DUNG	CN Quảng Ninh	M06	18/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
3**00617	HO THI LIEN HANH	PGD Gò Vấp	M13	18/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
3**170	DO NHU HON	PGD Phố Huế	M12	18/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**629	TRAN THI KIM DUNG	PGD Láng Thượng	M06	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**00283	HOANG TRUNG THONG	CN Đại An	M13	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**63661	TRAN THI HONG THAI	PGD Lê-nin	M06	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**04895	VO THI TUOI	PGD Hòa Bình	M06	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**05593	THOI HUU QUYEN	PGD Hòa Bình	M06	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**81124	NGUYEN THI THANH LOAN	CN Phú Mỹ Hưng	M13	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**25332	BUI DINH TRUNG	CN Đà Nẵng	M06	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**67140	NGUYEN THUY ANH	PGD Đào Tấn	M06	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**74889	TRAN THU THUY	PGD Xuân La	M06	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**17459	LE THI NGOC QUY	PGD Kim Liên	M12	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**37962	TRAN THI THUY HOA	PGD Hà Long	M06	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**77785	LE THI YEN	PGD Tô Hiệu	M06	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**15768	DINH CAM DUYEN	TT KHCC MB	M06	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**93925	HOANG QUOC HUONG	TT KHCC MB	M13	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**94701	HA NGOC DUC	CN Hà Đông	M06	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023

ID Khách hàng	Họ tên Khách hàng	Đơn vị kinh doanh	Kì hạn	Ngày mở sổ	Giá trị EVoucher	Ngày hiệu lực	Ngày hết hạn
1**67263	HO QUOC HOANG	PGD Lam Son	M06	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
4**318	TRAN THI TUYET NHUNG	Sở Giao Dịch	M13	21/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**60228	NGUYEN THI HANG	CN Đồng Nai	M06	22/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**95553	NGUYEN BICH HOAN	CN Cầu Giấy	M06	22/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**88020	NGUYEN LIEN HUONG	CN Thanh Xuân	M13	22/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**20992	NGUYEN THI HOANG BAO ANH	TT KHCC MB	M06	22/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**01513	BUI KIEN DUC	CN Lê Duẩn	M06	22/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**85488	DOAN NGOC NHU QUYNH	CN Thủ Đức	M06	22/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**58210	TRAN VU KHOA	CN Lê Duẩn	M06	23/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**67906	NGUYEN HAI LAN	PGD Trần Duy Hưng	M06	23/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**25761	MAI THI HONG HANH	PGD Khánh Xuân	M13	23/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**02946	DO THI THUY	CN Long Biên	M06	23/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
2**479	NGUYEN MAI PHUONG	CN Láng Hạ	M06	23/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**47605	TRAN THI THANH MINH	CN Đại An	M06	24/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**09126	DAO ANH TUAN	CN Thanh Xuân	M06	24/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**82061	PHAM HUY VAN	CN Hải Dương	M13	24/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**12420	YEO TAEKMO	CN Bắc Ninh	M12	24/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**78577	TA QUANG KHANH	CN Nghệ An	M06	24/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**79692	CAO HAI PHONG	CN Hải Phòng	M13	24/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**52997	CAO BICH HA	CN Hà Nội	M06	25/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**70986	PHAM THI VAN NHUNG	CN Đại An	M06	25/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**99819	TRUONG VAN BANG	PGD Vĩnh Hoàng	M06	25/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**83042	CAO VINH QUANG	PGD Sài Đồng	M12	25/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
3**806	NGUYEN THE PHIET	PGD Phú Hưng	M06	25/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**06828	NGUYEN THUY ANH	Sở Giao Dịch	M06	28/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**30235	NGUYEN XUAN LAP	PGD Nguyễn Văn Cừ	M06	28/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**23375	LE THI BICH TRAM	PGD Núi Thành	M06	28/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**24281	LE DINH QUI	PGD Bà Triệu	M06	28/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**85494	DANG THI TUYET MINH	PGD Hàn Thuyên	M12	28/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**70986	PHAM THI VAN NHUNG	CN Đại An	M06	28/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**85141	NGUYEN QUANG HUNG	PGD Xuân La	M06	28/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
2**1983	HOANG THI HUE	PGD Hàm Nghi	M06	28/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
4**860	HO QUANG TUAN	CN Long Biên	M06	28/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
6**64684	VU VAN SON	CN Láng Hạ	M06	28/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**34380	LUU THUY ANH	CN Đại An	M06	29/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**60695	TRAN THI THANH BINH	CN Đống Đa	M06	29/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**69080	DUONG THI ANH NGOC	CN Bắc Ninh	M06	29/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**36431	LE THANH UYEN	CN Láng Hạ	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**30235	NGUYEN XUAN LAP	PGD Nguyễn Văn Cừ	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**24598	PHAM HONG QUANG	CN Láng Hạ	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**47534	NGUYEN TRUONG GIANG	PGD Sài Đồng	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**08828	VU QUANG THANH	CN Thanh Xuân	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**65042	NGUYEN DUC THANH	CN Đồng Nai	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**91823	PHAM THI NGOC CHAU	PGD Núi Thành	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**54661	NGUYEN THI TRANG	PGD Ngọc Lâm	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**67586	DANG THI HOANG GIANG	PGD Xuân Khánh	M36	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**74579	PHAM THI VIET HOA	PGD Mỹ Đình	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**03641	MAI QUYNH NGA	CN Thanh Hóa	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**38751	NGUYEN VAN CANH	CN Bắc Ninh	M18	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**32107	VIEM VAN TUAN	CN Bắc Ninh	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**07797	NGUYEN THI THANH TAM	CN Đồng Nai	M18	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**64130	NGUYEN TIEN DONG	PGD Trần Duy Hưng	M18	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**70427	DAO THI THANH NGA	PGD Phố Huế	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
1**96660	NGUYEN BICH NGOC	CN Thanh Xuân	M18	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
4**414	PHAM QUANG HUNG	CN Hà Đông	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023
7**7	THAI THI HUONG TRA	PGD Trần Duy Hưng	M06	30/11/2022	200,000	11/01/2023	09/02/2023